

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN BỊ THU HỒI ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP

Lê Thị Thanh Hương

Viện Tâm lý học.

Việc thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng các khu công nghiệp ở nông thôn đã làm cho nhiều hộ nông dân hoặc hoàn toàn không còn đất canh tác để sản xuất, hoặc diện tích đất canh tác của họ bị thu hẹp lại nhiều so với trước kia. Trong bối cảnh đó, nhu cầu việc làm - một loại nhu cầu luôn hiện hữu ở người lao động nói chung và người nông dân nói riêng, trở nên vô cùng cấp thiết và người nông dân ý thức rõ hơn bao giờ hết về sự tồn tại của nó. Cùng với điều này là các giá trị của việc làm cũng được người nông dân nhìn nhận một cách rõ ràng hơn và định hướng giá trị việc làm có tác động nhất định lên hành động tìm kiếm việc làm của họ. Làm thế nào để các cơ quan chức năng có thể hỗ trợ người nông dân trong chuyển đổi việc làm, giúp họ nhanh chóng ổn định cuộc sống? Nghiên cứu định hướng giá trị việc làm của người nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp sẽ góp phần cung cấp dữ liệu thực tiễn để các cơ quan chức năng có cơ sở xây dựng được các biện pháp hỗ trợ người nông dân một cách hiệu quả.

Nghiên cứu này được tiến hành năm 2005 tại địa bàn 3 tỉnh là Hải Dương, Hưng Yên và Hà Tây. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phỏng vấn bảng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu. Tổng mẫu nghiên cứu là 436 nông dân tham gia trả lời phiếu hỏi, một số nông dân và cán bộ chính quyền cơ sở tham gia phỏng vấn sâu⁽¹⁾.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu thực tiễn, có thể có một số nhận xét sau đây về định hướng giá trị việc làm của người nông dân bị thu hồi đất để xây dựng khu công nghiệp:

Điểm nổi bật nhất trong định hướng giá trị việc làm của người nông dân bị thu hồi đất canh tác để xây dựng khu công nghiệp là tính ổn định của việc làm và đi liền với nó là tính ổn định của thu nhập từ việc làm được người nông dân đánh giá rất cao. Rất nhiều nông dân (91,1% số người trả lời) mong muốn có được việc làm đem lại cho họ thu nhập ổn định, dù thu nhập đó có thấp chút ít. Trong hoàn cảnh nhiều lao động dư thừa, rất khó tìm kiếm việc làm, không ít

thanh niên nam, nữ nông dân và cả những người nhiều tuổi muốn vào làm trong các khu công nghiệp, dù họ biết rằng rất vất vả và thu nhập thấp “tháng 4 - 5 trăm, 6 - 7 trăm, ngày làm 10 - 12 tiếng đồng hồ, nhưng đều đặn”. Đặc điểm tâm lý này một mặt, bắt nguồn từ đời sống hiện thực vất vả của người nông dân dựa trên hoạt động sản xuất nông nghiệp lắm rủi ro, chịu tác động rất lớn của thời tiết thất thường, song mặt khác, nó cũng phản ánh một đặc điểm tâm lý truyền thống của người Việt Nam, đó là tâm lý ít thích có sự đổi thay, tâm lý ăn chắc, không ưa mạo hiểm.

Điểm nổi bật thứ hai là khoảng cách không gian của việc làm cũng là một giá trị được người nông dân đánh giá tương đối cao, thể hiện ở chỗ nhiều nông dân (69,9% số người trả lời) không muốn đi làm ăn xa, dù để có cơ hội có thu nhập cao hơn. Người nông dân mong muốn một cuộc sống “ở nhà đến giờ thì ra làm việc (ở khu công nghiệp), tối về nhà ngủ” và lý giải “vì như thế chi phí đỡ tốn kém, mà lại không phải xa gia đình”. Chúng ta thấy có hai lý do quan trọng khiến người nông dân không muốn đi làm ăn xa. Một lý do liên quan đến thu nhập và lý do kia liên quan đến lối sống. Hiện nay, nông dân đi làm ăn xa chủ yếu là làm nghề, chẳng hạn, nghề mộc, nghề xây dựng v.v... Phần lớn nông dân không đủ vốn và không đủ kinh nghiệm tay nghề để có thể tự mở các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, vì vậy, theo cách nói của họ, đi làm nghề là đi “làm thuê”. Trên thực tế, thu nhập hiện nay của những người nông dân đi làm ăn xa cũng chưa thật cao và những chi phí cho cuộc sống xa gia đình đã làm giảm khoản tiền mà họ có thể tiết kiệm hàng tháng. Vì lẽ đó, theo tính toán của người nông dân, nhiều khi đi làm ăn xa cũng không hơn gì làm việc tại địa phương. Hơn nữa, việc đi làm ăn xa đã phá vỡ một khung cảnh sống yên bình, nông âm tình cảm gia đình, họ hàng gần gũi - một lối sống quay quẩn, phạm vi di chuyển không gian không lớn - lối sống cổ truyền mà người Việt Nam từ xưa đến nay vẫn rất ưa chuộng. Tuy nhiên, trong các cuộc phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận thấy, còn có một số lý do khác nữa khiến người nông dân không muốn đi làm ăn xa. Thứ nhất, mặc dù người nông dân ngày nay không xem thường việc “làm thuê”, song trong tâm lý của họ, “làm thuê” có nghĩa là làm cho người khác, là phải phục tùng và tuân thủ một số quy định của người chủ, và như thế có cái gì đó không thoải mái về mặt tâm lý, không như cuộc sống họ đã sống khi làm nghề nông. Ở người nông dân vẫn ẩn chứa mâu thuẫn trong tâm lý. Một mặt, họ muốn có việc làm, cảm thấy chút may mắn vì “nhờ trời vẫn đi làm thuê được”, song mặt khác, lại vẫn nuôi tiếc cuộc sống thoải mái, thong dong mà nghề thuần nông trước kia đã đem lại cho họ. Mâu thuẫn tâm lý này có những tác động nhất định lên quá trình làm việc của họ, cũng như cách ứng xử của họ với chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh nơi họ làm việc, tạo ra những bất lợi nhất định cho sự hợp tác của hai bên. Thứ hai, sự tồn tại khá phổ biến của một số tệ nạn xã hội cũng là một lý do làm cho người nông dân e ngại, không muốn cho các thành viên trong gia đình đi làm ăn xa. Trả lời

câu hỏi “có nhiều cháu đi nơi xa làm ăn không?”, một nông dân ở Hải Dương nói: “Thỉnh thoảng có nhà thôi. Thỉnh thoảng nó ra Quảng Ninh, nó đi xây. Có một vài đứa. Nhà tôi hồi xưa chúng nó cũng đi đấy, nhưng đi xa sợ lắm, không cho đi. Giờ chúng nó chỉ loanh quanh ở Hải Dương mình thôi”. Sự kết hợp của những nhân tố nêu trên đã làm cho nhiều nông dân không muốn đi làm ăn xa.

Điểm đáng lưu ý là tâm lý không muốn đi làm ăn xa không thay đổi khi xét theo các nhóm khách thể khác nhau, kể cả theo tiêu chí lứa tuổi - tiêu chí được dự đoán là có khả năng tác động nhiều nhất. Như vậy, có thể khẳng định, tâm lý không muốn đi làm ăn xa nhà là một tâm lý khá phổ biến ở những người nông dân, không phân biệt họ thuộc giới tính nào, ở độ tuổi nào, đang làm những nghề gì hoặc đang có việc làm hay không.

Giá trị của việc làm như một phương tiện để có thể khẳng định vai trò của bản thân trong xã hội cũng là một giá trị mà nhiều người nông dân mong muốn (70,2% số người trả lời). Trên thực tế, giá trị này của việc làm có khả năng đáp ứng một loại nhu cầu phổ biến của con người - nhu cầu được xã hội thừa nhận. Ở những vùng được khảo sát, những người có trình độ từ cấp hai trở lên và những người dưới 45 tuổi đánh giá cao giá trị này của việc làm, nhưng cũng không ít nông dân nhiều tuổi ý thức rõ về nó. Vai trò xã hội được người nông dân nhìn nhận thông qua vai trò gần gũi nhất với họ trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và với hàng xóm láng giềng. Người nông dân ý thức một cách sâu sắc rằng khi họ có việc làm, cũng tức là có thu nhập thì họ có được vị thế xã hội nhất định trong mắt những người xung quanh, vì thế cuộc sống tâm lý của họ sẽ thoải mái hơn. Một nông dân ở Hải Dương đã diễn tả điều này như sau: “*Ai cũng thế thôi, phải thấy con cháu vất vả mà hạn chế chi tiêu. Đây là nỗi khổ của người không có việc làm. Ví dụ, tôi có việc làm thì tôi không phụ thuộc chúng nó (các con). Những người không có việc làm thì hạn chế chơi, không như chúng tôi, họ chơi không thoải mái. Ví dụ, ngày tôi làm 4 tiếng, còn 4 tiếng tôi đi chơi, giao lưu, thoải mái lắm*”.

Là người lao động thì bất cứ ai cũng mong muốn có thu nhập cao. Có khoảng gần 2/3 số người trả lời mong muốn có thu nhập cao dù phải làm bất cứ việc gì và làm bằng bất cứ cách nào (66,3% số người khẳng định họ muốn có thu nhập cao dù phải làm bất cứ việc gì và 57,4% số người khẳng định dù phải làm bằng bất cứ cách nào). Nhiều nông dân ở Hà Tây đánh giá cao giá trị này (trong so sánh với Hải Dương và Hưng Yên). Những số liệu này cho thấy thu nhập là một vấn đề rất có ý nghĩa với nhiều người nông dân, mặc dù vậy, giá trị “thu nhập cao” vẫn là giá trị được đánh giá thấp hơn giá trị “tính ổn định” của thu nhập. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, cũng có khoảng 22,6% đến 29,7% số người không đánh giá quá cao giá trị “thu nhập cao”. Với họ, thu nhập không phải là giá trị duy nhất của việc làm.

Bảng 1: Định hướng giá trị việc làm của người nông dân bị thu hồi đất để xây dựng khu công nghiệp (Điểm trung bình (ĐTB) và % số người trả lời)

Loại công việc mong muốn	ĐTB	Phương án trả lời				
		Hoàn toàn không đúng	Phần lớn không đúng	Nửa đúng nửa không	Phần lớn đúng	Hoàn toàn đúng
1. Bất kể là việc gì, miễn là kiếm được nhiều tiền	3,72	17,1	5,5	11,1	21,4	44,9
2. Việc gì cũng được, miễn không phải nghề nông	3,59	18,0	7,2	13,9	19,4	41,6
3. Việc có thu nhập ổn định là quan trọng hơn cả	4,55	5,1	1,1	2,8	15,9	75,2
4. Việc khẳng định được vai trò của bản thân trong xã hội	3,89	12,4	3,4	14,0	23,6	46,6
5. Việc nhàn nhã, ít bận rộn và không chịu nhiều áp lực	3,63	15,8	9,6	11,5	21,6	41,5
6. Muốn đi xa để có cơ hội kiếm được nhiều tiền hơn	2,06	62,0	7,9	7,9	6,3	15,9
7. Tôi không quan tâm đến việc làm gì và làm như thế nào, miễn là kiếm được nhiều tiền	3,44	22,1	7,6	12,8	18,7	38,7

Ghi chú: Điểm tối thiểu = 1, điểm tối đa = 5. ĐTB càng cao thì đặc điểm được đo càng thể hiện rõ

Việc nhàn, ít bận rộn, không chịu nhiều áp lực cũng là một giá trị được 63,1% số người tham gia khảo sát coi trọng, đặc biệt là nữ nông dân. Đây cũng là một đặc điểm tâm lý khá nổi bật ở người Việt Nam. Tuy nhiên, so sánh với kết quả của một số nghiên cứu trên những nhóm người khác, chúng tôi nhận thấy, đặc điểm tâm lý này trong định hướng giá trị việc làm ở người nông dân hiện nay có tính phổ biến hơn⁽²⁾. Tuy nhiên, cũng có một phần nhỏ nông dân hiểu rằng, công việc phải bận rộn thì mới có nhiều cơ hội có thu nhập cao. Vì vậy, giữa một bên là việc nhàn, thu nhập ít và bên kia là việc bận rộn nhưng có thu nhập cao thì họ sẽ ưu tiên lựa chọn loại công việc có thu nhập cao.

Một điểm đáng chú ý nữa là hơn một nửa số người trả lời (61,0%) không thích làm nghề nông, nhất là thanh niên và nữ nông dân. Họ không thích nghề nông với những lý do khác nhau. Nghề nông vất vả, lại thu nhập thấp.

“Hạch toán kinh tế thì kinh doanh cây lúa là thấp nhất so với các loại kinh doanh khác. Nông nghiệp là tạo kinh tế ổn định cho gia đình sinh hoạt thôi, làm gì tiết kiệm được, làm gì có khoản gì. Chỉ có lúa tốt, thóc nhiều nhưng tiền không có. Bán tạ thóc đi thì chỉ được mấy bữa cỗ thôi. Nói về làm giàu thì nông nghiệp không thể phát triển được. Làm giàu bây giờ là phải đi vào kinh doanh”. Còn với thanh niên thì “Bây giờ các cháu không có ruộng nữa và chúng nó cũng không thích làm nông nghiệp nữa. Chúng nó thấy chị em lớn tuổi mặc quần áo đẹp đi làm công ty, dù có vất vả, nhưng sạch sẽ”. Vì vậy, “Họ thấy là càng bán được nhiều đất bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Một sào ruộng bây giờ Nhà nước đền bù gần 10 triệu, nếu giữ tiết kiệm thì số lãi đã mua được 1 tạ thóc” (những nông dân ở Hải Dương).

Tuy nhiên, nhiều người đã lập gia đình, tuổi trung niên, hoặc cao hơn cũng vẫn có tâm lý muốn có ruộng để làm nông nghiệp, vừa có việc làm cho các thành viên trong gia đình, lại vừa đảm bảo cho cuộc sống gia đình một cơ sở chắc chắn. “Nói chung là giữa hai cái (nghề nông và nghề phi nông nghiệp) cộng tác với nhau thì chúng em thấy nó chắc ăn thế này này. Mình có nông nghiệp rồi, lúc nào cũng có gạo ăn rồi, cộng thêm với đi làm thêm được một ít cũng trích ra được một khoản cho con ăn học. Thế nhưng từ khi mất ruộng đến nay cuộc sống rất lênh đênh. Thí dụ, hai vợ chồng ngày làm được tám chục thì về chi phí hết mấy chục rồi, chỉ để ra được một ít thôi” (nông dân, 33 tuổi, Hải Dương). Hoặc “Nhà nông thì phải có cái ruộng, còn một hai sào thì phải giữ lấy để có chỗ mình cấy rế vậy, dong thóc rế vậy” (nông dân, 51 tuổi, ở Hải Dương), hoặc “chúng tôi là nông dân lấy hạt gạo làm trọng, có hạt gạo rồi thì chỉ có việc phát triển kinh tế tốt, cải thiện đời sống, thất nghiệp vẫn có cái ăn” (nông dân, thôn Ngô Sài - Hoàng Ngô - Hà Tây). Tâm lý ăn chắc được thể hiện khá rõ.

Một nhóm đối tượng khác cũng vẫn muốn giữ đất làm nghề nông, đó là những người nông dân đã mạnh dạn chuyển đổi cây trồng trên đất nông nghiệp và đã thành công. Ở Hải Dương một số hộ nông dân đã chuyển sang trồng đào thê và có thu nhập từ đào thê rất cao. “Mỗi ruộng (trồng đào) bán 50 triệu, cao nhất có khi được 100 triệu sào, tết họ đến tận nơi mua. So với các việc khác thì tốt hơn nhiều. Đầu tư không bao nhiêu, khoảng 1 triệu, chủ yếu là bỏ công, mà làm cũng không mất sức, chỉ làm một tí buổi sáng là về, nên chúng tôi không muốn bán đất. Thực lòng thì vùng sâu cũng không muốn bán đất, năng suất thấp muốn chuyển đổi cây trồng nhưng xã không cho” (nông dân ở Cẩm Giàng - Hải Dương). Với những hộ như vậy, việc bị thu hồi đất là bất đắc dĩ, họ cảm thấy “bị ép”, bị đối xử không công bằng trong đền bù đất bị thu hồi. Như vậy, để yên lòng dân thì chính sách đền bù phải sát với thực tế từng vùng, thậm chí từng mảnh ruộng.

Như vậy, có thể thấy rằng tùy thuộc vào hiệu quả sử dụng đất canh tác, vào khả năng tìm việc phi nông nghiệp và vào đặc điểm tâm lý lứa tuổi mà những nhóm nông dân khác nhau đánh giá giá trị của nghề nông khác nhau.

Phân tích các số liệu thu được cho thấy, sự phân hoá trong định hướng giá trị việc làm ở những người nông dân trong mẫu khảo sát là khá rõ ràng. Điều này thể hiện đặc biệt rõ đối với giá trị tính ổn định của thu nhập từ việc làm và giá trị liên quan đến khoảng cách không gian của việc làm, còn với các giá trị còn lại, sự lưu chuyển trong định hướng giá trị sẽ dễ xảy ra hơn (ở phương án trả lời trung dung “nửa đúng nửa sai”, các giá trị “thu nhập ổn định” và “đi làm ăn xa” có tỷ lệ số người lựa chọn thấp nhất (lần lượt là 2,8% và 7,9%), trong khi với các giá trị còn lại, tỷ lệ số người lựa chọn phương án này dao động từ 11,0% đến 14%).

Tóm lại, xét cho cùng thì định hướng giá trị việc làm của những người nông dân bị thu hồi đất canh tác để xây dựng các khu công nghiệp đã phản ánh những thay đổi trong điều kiện kinh tế - xã hội ở những vùng khảo sát. Song, thứ bậc của những giá trị trong tập hợp một số giá trị việc làm được tìm hiểu trong nghiên cứu này cho thấy ý nghĩa của từng giá trị cụ thể chịu sự quy định của những nhân tố khác nhau, bao gồm không chỉ những đặc điểm tâm lý truyền thống của người nông dân, những điều kiện sống hiện tại có tính chất chung cho cả khu vực sinh sống, mà cả đặc thù hoạt động lao động cụ thể của từng hộ nông dân và cả những nhân tố khác. Như vậy, việc xây dựng các biện pháp hỗ trợ người nông dân bị thu hồi đất canh tác trong tìm kiếm việc làm nhằm đảm bảo cuộc sống phải tính đến tất cả các nhân tố đó.

Chú thích

1. Những số liệu được sử dụng trong bài viết này được lấy từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ “Một số thay đổi tâm lý của người nông dân bị mất đất để xây dựng khu công nghiệp” do TS. Lưu Song Hà làm chủ nhiệm, Viện Tâm lý học là cơ quan chủ trì.

2. Xem thêm: *Tính tích cực nghề nghiệp của công chức - Một số nhân tố tác động*, TS. Lê Hương chủ biên, NXB KHXH, Hà Nội, 2003.